

Đơn đặt hàng / Purchase Order  
Được phê duyệt bởi: Đặng Trần Hào



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information)</b><br>CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI<br>TỔNG HỢP WINCOMMERCE<br>Tầng 6, Tòa nhà Trung tâm Quốc tế, số 17 Ngô Quyền, Phường Hoàn<br>Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br>MST: 0104918404-002<br><b>Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)</b><br>5817-WM+ HNI Thôn Xuân Trung, Chương Mỹ<br>5817 - WM+ HNI Thôn Xuân Trung, Chương Mỹ<br>Thôn Xuân Trung, Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội Việt<br>Nam<br>2471066866-58171 | <b>Thông tin đơn hàng (Information)</b><br>Số đơn hàng (PO No.) 4180764887<br>Ngày đặt hàng (PO date) 02.12.2025<br>Nhóm đặt hàng (Purchaser) 101 - T.P tươi sống CB<br>Người đặt hàng (Purchaser) Đặng Trần Hào<br>Số điện thoại<br>Email haodt@winmart.masangroup.com<br>Ngày giao (Delivery Date) 12.12.2025<br>Ghi chú POV_Dungdx_W |
| <b>Nhà cung cấp (Supplier): 0002010660</b><br>CTY CP ĐẠI THUẬN PHÂN PHỐI<br>59-61 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| Stt<br>(No.) | Tên hàng<br>(Item Description)                       | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|--------------|------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| 10           | 10335269<br>BINGGRAE Kem Pongta vị quýt 130ml T24    | 8801104949866        | 24                     | CAI           | 20,651                  | 495,624                      |
| 11           | 10335269<br>BINGGRAE Kem Pongta vị quýt 130ml T24    | 8801104949866        | 24                     | CAI           | 0                       | 0                            |
| 20           | 10006161<br>BINGGRAE Kem dưa lưới cây 80ml           | 8801104122504        | 20                     | CAI           | 20,223                  | 404,460                      |
| 21           | 10006161<br>BINGGRAE Kem dưa lưới cây 80ml           | 8801104122504        | 20                     | CAI           | 0                       | 0                            |
| 30           | 10321388<br>BINGGRAE Kem bánh cá trà xanh 150ml      | 8801104305136        | 24                     | CAI           | 24,610                  | 590,640                      |
| 31           | 10321388<br>BINGGRAE Kem bánh cá trà xanh 150ml      | 8801104305136        | 24                     | CAI           | 0                       | 0                            |
| 40           | 10006159<br>BINGGRAE Kem bánh cá Melona socola 150ml | 8801104170116        | 24                     | CAI           | 24,610                  | 590,640                      |
| 41           | 10006159<br>BINGGRAE Kem bánh cá Melona socola 150ml | 8801104170116        | 24                     | CAI           | 0                       | 0                            |
| 50           | 10006158<br>BINGGRAE Kem bánh cá đậu đỏ gói 150ml    | 8801104190718        | 12                     | CAI           | 24,610                  | 295,320                      |
| 51           | 10006158<br>BINGGRAE Kem bánh cá đậu đỏ gói 150ml    | 8801104190718        | 12                     | CAI           | 0                       | 0                            |

| Sst<br>(No.)                                    | Tên hàng<br>(Item Description) | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|-------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount) |                                |                      |                        |               |                         | 2,376,684                    |
| - 5% (VAT)                                      |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 8% (VAT)                                      |                                |                      |                        |               |                         | 190,134.72                   |
| - 10% (VAT)                                     |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 15% (VAT)                                     |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| Thuế GTGT (VAT Amount)                          |                                |                      |                        |               |                         | 190,134.72                   |
| Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)            |                                |                      |                        |               |                         | 2,566,818.72                 |

Người lập đơn hàng  
(Created By)

Quản lý ngành hàng  
(Department Manager)

Quản lý siêu thị  
(Store Manager)

Giám đốc cấp 2  
(Regional Director)

Nhà cung cấp lưu ý:

- Giá mua trên đơn đặt hàng là giá mua chính thức, nếu có chênh lệch so với báo giá thì báo lại nhân viên đặt hàng để điều chỉnh giá trước khi giao hàng.
- Vui lòng điền số đơn đặt hàng và mã nhà cung cấp vào hóa đơn và phiếu giao hàng.